TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v tranh chấp về không công nhận quan hệ hôn nhân.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Ngô Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1600/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc: "Không công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2021/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thiện C, sinh năm 1949

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: Số 67/457A đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thiện C trình bày:

Ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, đồng thời cũng không có sự quan tâm và chia sẻ nhau nên cuộc sống chung không

hạnh phúc dẫn đến sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Nay ông xác định cả hai không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành tên Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/8/1979 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/12/1982.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1978, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau nên cuộc sống chung thật sự không hạnh phúc. Vì con chung bà đã cố gắng rất nhiều để hàn gắn mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, hiện đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Vì thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên ông C đề nghị Tòa giải quyết không công nhận ông C và bà là vợ chồng bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành như ông C trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

Do ông C và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm điều cấm của pháp luật, thuộc trường hợp không hòa giải theo khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo khoản 2 Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Ông C và bà T đều có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt, các bên đều giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp: "Không công nhận quan hệ hôn nhân". Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và bị đều có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thiện C và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1978, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó giữa ông C và bà T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Việc ông C yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH 10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành tên Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/8/1979 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/12/1982.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Thiện C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH 10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thiện C và bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đã trưởng thành tên Nguyễn Khánh T, sinh ngày 23/8/1979 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/12/1982.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Thiện C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên